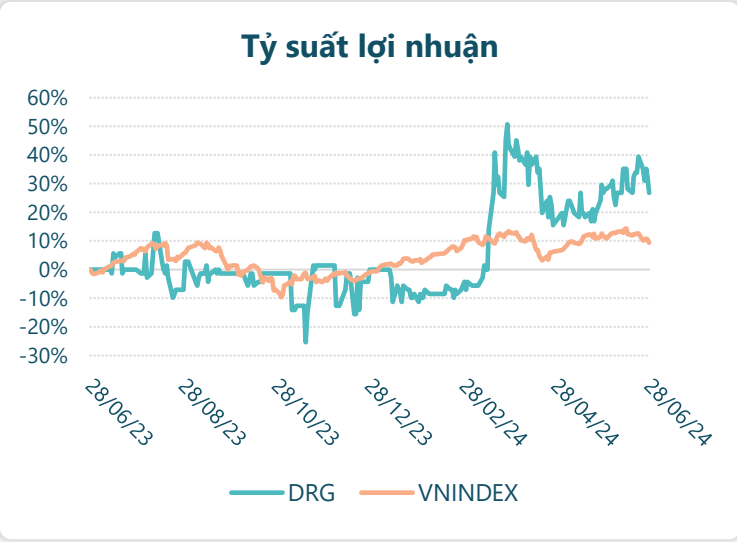


Ngày	9,000 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.2%	-10.9%	32.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,300 - 10,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,402
Số lượng CPLH (CP)	155,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,410
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.97
EPS	211
P/E	42.7



Doanh thu thuần
Q2/24

188

tỷ VNĐ

QoQ: ▼51.0 | -21.5%

YoY: ▲ 15.0 | 8.4%

Nợ/VCSH
Q2/24

44.6%

YoY: +/-▲ 4.7%

LN gộp
Q2/24

23.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.80 | -24.5%

YoY: ▼14.8 | -38.2%

ROE (TTM)
Q2/24

1.9%

YoY: +/-▲ 0.8%

LN trước thuế
Q2/24

4.83

tỷ VNĐ

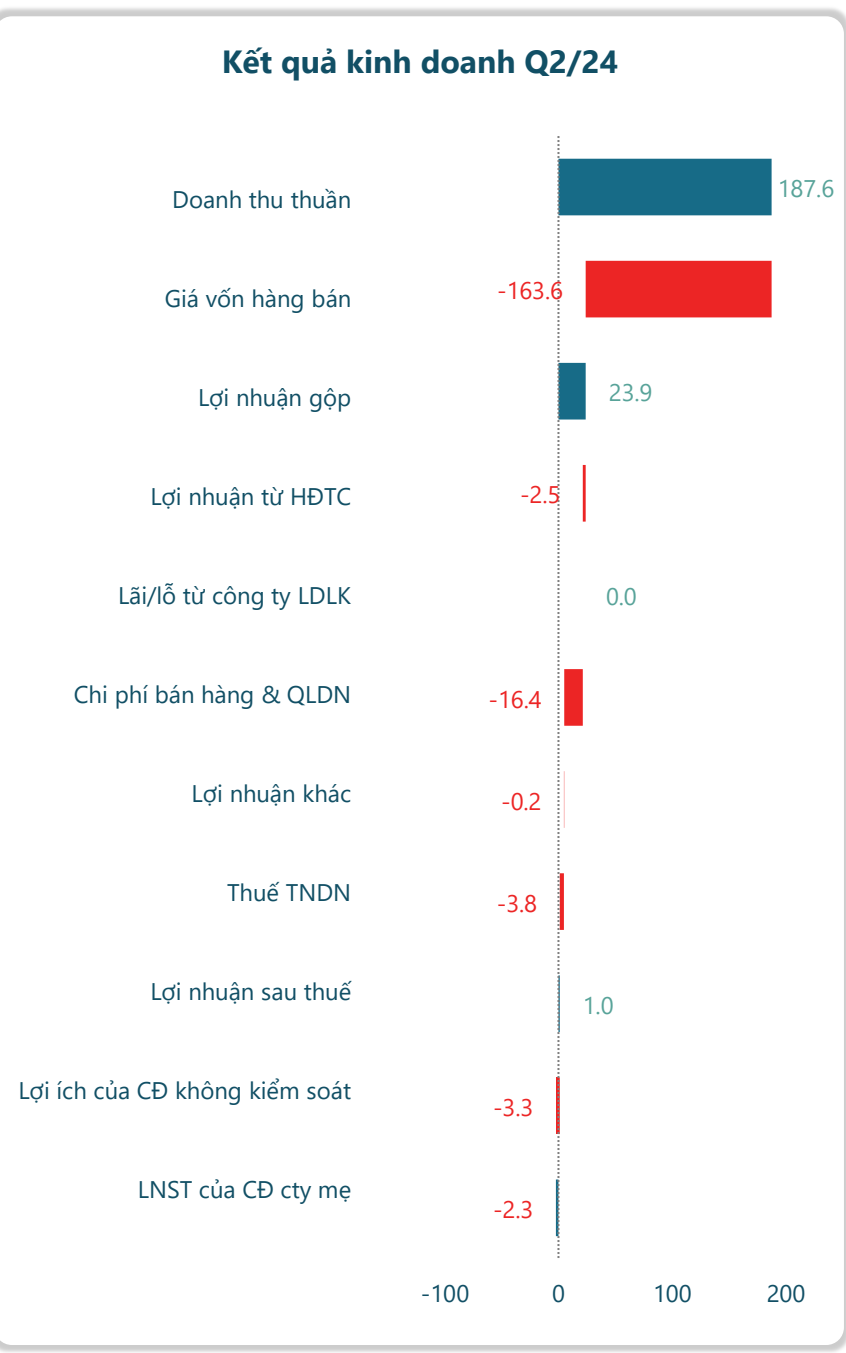
QoQ: ▼5.15 | -51.6%

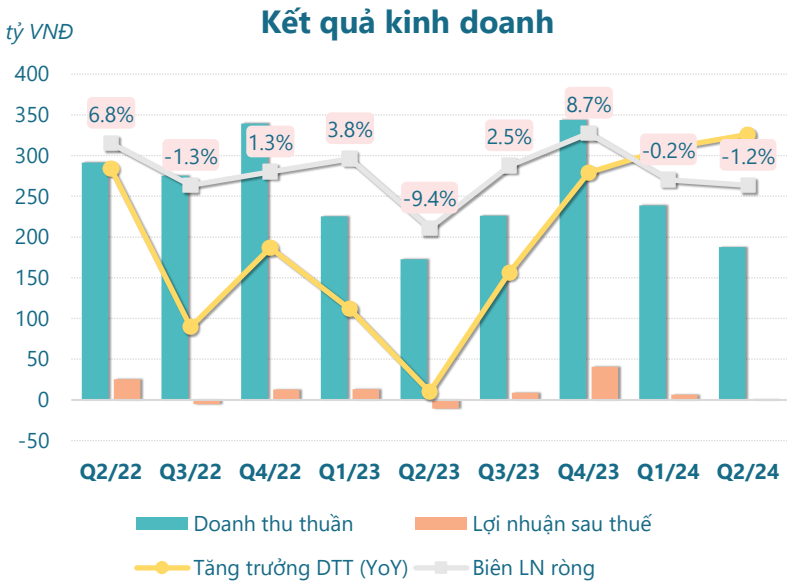
YoY: ▲ 10.1 | 192%

ROA (TTM)
Q2/24

1.3%

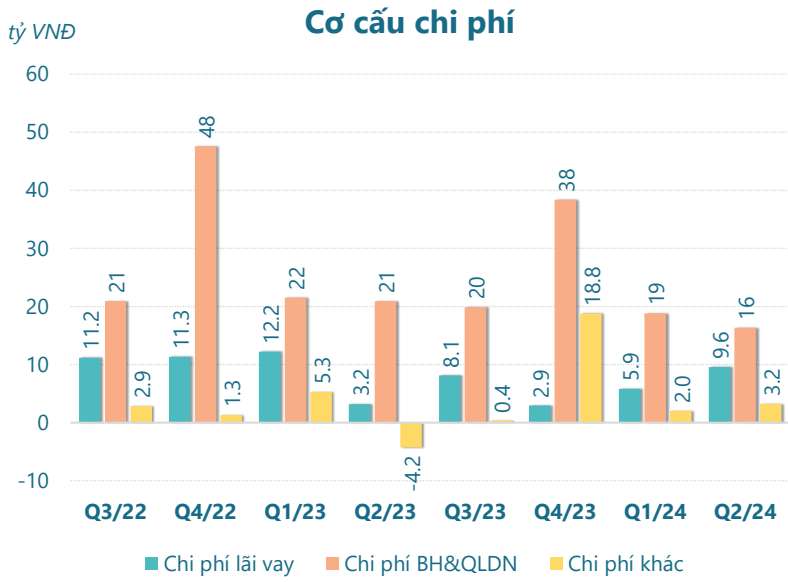
YoY: +/-▲ 0.5%





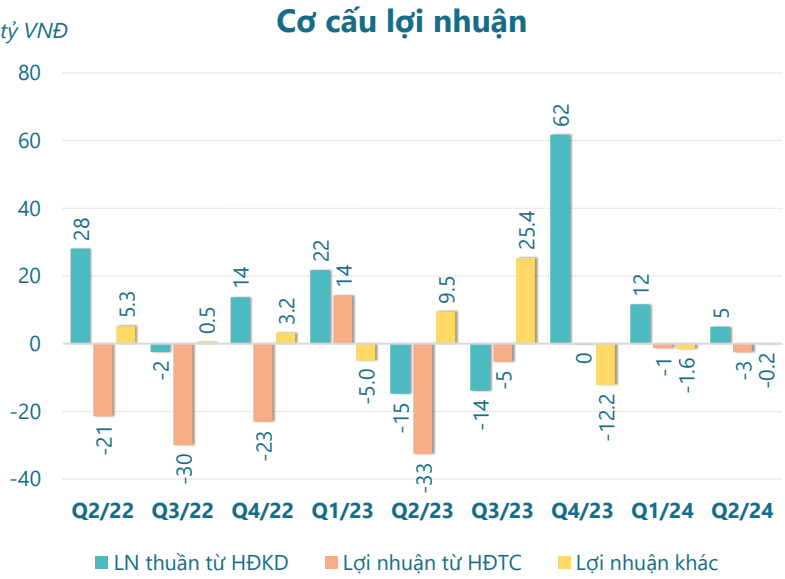
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 5.04 tỷ đồng**, giảm đi 56.5% so với kỳ trước và tăng thêm 19.82 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 2.51 tỷ đồng** giảm đi 1.22 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 30.10 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.21 tỷ đồng** tăng thêm 1.39 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 102% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **DRG** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **187.6 tỷ đồng** tăng thêm **8.50%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.99 tỷ đồng, tăng thêm 11.72 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **426.0 tỷ đồng** cao hơn 7.04% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 7.00 tỷ đồng** cao hơn 133% so với cùng kỳ năm trước.



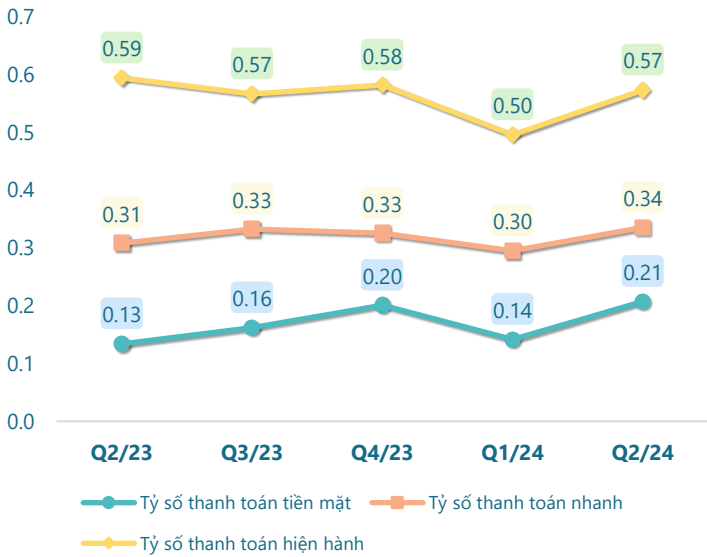
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **9.55 tỷ đồng** tăng thêm 63.2% so với kỳ trước và cao hơn 200% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **16.37 tỷ đồng** giảm đi 13.1% so với kỳ trước và thấp hơn 21.8% so với cùng kỳ năm trước.

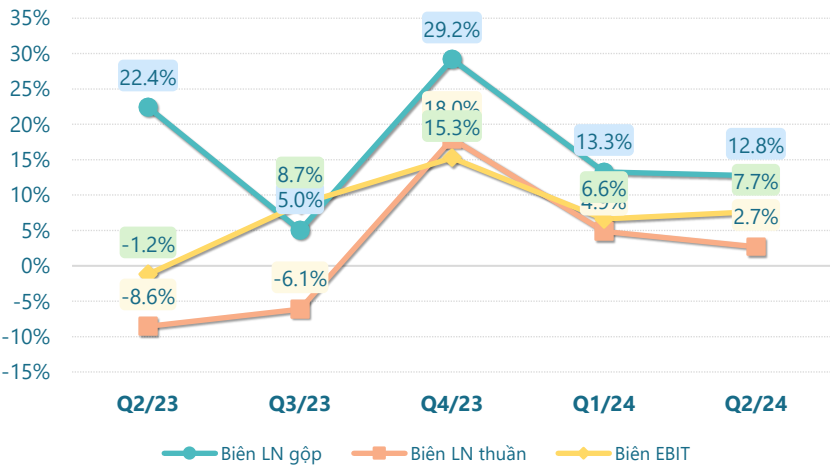
Chi phí khác bằng **3.25 tỷ đồng** tăng thêm 61.7% so với kỳ trước và tăng thêm 7.50 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	188	239	-21.5%	173	8.4%	426	398	7.0%
Giá vốn hàng bán	164	207	-20.9%	134	22.1%	371	331	12.1%
Lợi nhuận gộp	23.9	31.7	-24.5%	38.7	-38.2%	55.6	67.7	-17.9%
Doanh thu HĐTC	44.6	4.95	802%	-20.2	321%	49.6	7.28	581%
Chi phí TC	47.2	6.24	656%	12.5	277%	53.4	25.6	109%
Chi phí lãi vay	9.55	5.85	63.3%	3.18	200%	15.4	15.4	-0.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.03	-100%	0	0.03	-100%
Chi phí bán hàng	7.47	9.01	-17.1%	9.79	-23.7%	16.5	21.6	-23.5%
Chi phí QLDN	8.90	9.83	-9.5%	11.1	-19.8%	18.7	20.9	-10.5%
LN thuần từ HĐKD	5.04	11.6	-56.6%	-14.8	134%	16.6	6.96	139%
Lợi nhuận khác	-0.21	-1.60	87.0%	9.54	-102%	-1.81	4.55	-140%
LN trước thuế	4.83	9.98	-51.6%	-5.24	192%	14.8	11.5	28.7%
Lợi nhuận sau thuế	0.99	6.41	-84.5%	-10.7	109%	7.40	2.70	174%
LNST của CĐ cty mẹ	-2.33	-0.45	-417%	-16.3	85.7%	-2.78	-7.57	63.3%

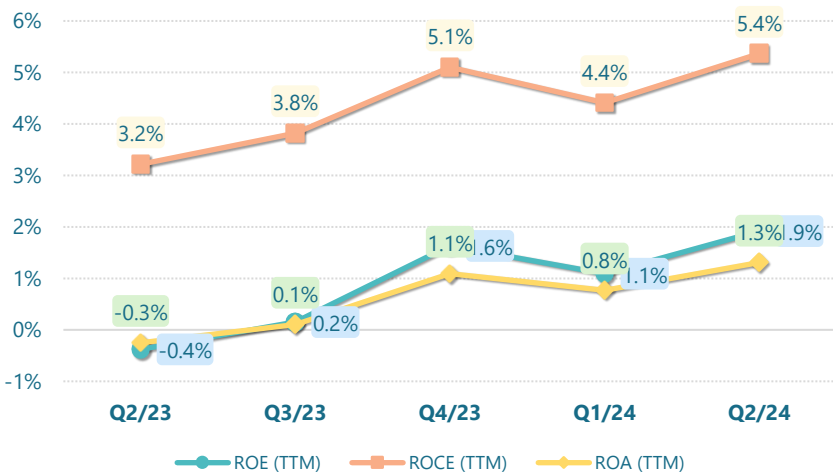
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

